



CHUYỆN LÀNG TÔI

Quỳnh Hương (nvñ)

Kỳ 3

Sau hơn một tháng ở Houston với con cháu, tôi trở lại Cali. Trong thời gian đang tìm tài liệu và hình ảnh cho bài viết, tôi nhận được điện thư của Văn Quang, cho biết “sẽ làm một chuyến Bắc du”. Được tin này tôi rất vui., Tôi trả lời Văn Quang với đề nghị “ráng về lại làng xưa mà bọn mình đã thoát đi 56 năm và chụp càng được nhiều hình càng quý.” Lý do của chuyến Bắc du, bạn đọc có thể biết khi đọc bài Lầm cảm Saigon số 211 dưới đây.

Bài viết này Văn Quang viết hàng tuần, cho một số báo giấy: Nhật báo Thời báo ở SanJose và các nơi như, Houston, Canada, Úc, trong loạt bài Lầm cảm Saigon. Cho tới nay, cuối tháng 9-08, đã tới con số 277. Văn Quang chưa bao giờ gửi bài trực tiếp cho báo trên mạng. Tôi viết dòng này vì có một lần tôi gặp một bài ký tên Văn Quang. Trang web này cho góp ý và bài viết bị chỉ trích mạnh. Tôi đọc thấy lạ và viết điện thư hỏi Văn Quang, thì được trả lời “tôi không bao giờ gửi bài cho các mạng. Nếu là những bài Lầm cảm Saigon, thì do họ tự ý đưa lên.” “Tự ý đưa lên” là nói theo lịch sự, nôm na là “chôm”, hay ăn cắp”. Chẳng biết vô tình hay có ý gì khác mà có sự trùng tên này.

Bài viết “Đi tìm chiếc cọc tre ủ rữ” của Văn Quang được đăng lại dưới đây, mà hình ảnh tôi lựa trong gần 100 bức hình VQ chuyển cho tôi sau chuyến Bắc du. Nó nằm trong “chuyện làng tôi” và tôi yêu cầu VQ cho tôi được đưa tiếp vào câu chuyện thật đau thương của làng mình, để bạn đọc hiểu thêm được sự tàn ác của Cộng Sản mà con cáo già Hồ chí Minh là người chủ xướng. Hắn là một tên tướng cướp. Nếu gọi hắn là lãnh tụ thì chính là lãnh tụ của đảng cướp, vì từ khi cướp được chính quyền năm 1945, Cáo liên tiếp cho cướp của giết người: cải cách ruộng đất, đấu tố, đánh tư sản (trước 1975 ở miền bắc Việt Nam). Sau 1975, cướp được miền Nam, bọn cộng sản lại ăn cướp bằng đánh tư sản, để cướp tài sản và nhà cửa. Bắt dân các thành phố và tỉnh lỵ đi “kinh tế mới” để cướp nhà. Rồi tới nay chúng vẫn tiếp tục đường lối ăn cướp đất gây nên những đám biểu tình đòi bồi thường ruộng đất của dân oan khắp cả nam bắc Việt Nam.

Đau thương tràn lan ở tất cả các làng mạc miền Bắc Việt Nam từ năm bọn Việt cộng khát máu phát động chiến dịch đấu tố, cải cách ruộng đất 1953, kéo dài 6 năm, cho mãi đến năm 1958, năm mà Cáo đã thấy tay mình vấy máu quá nhiều - nửa triệu nông dân bị Cáo giết - nên Cáo giả đờ mếu máo, nước mắt cá sấu, loe bịp dân miền bắc để “sửa sai” (!).

Trong số 5 người chết trong cải cách ruộng đất, đấu tố ở làng tôi thì gia đình người cháu họ Nguyễn Quang Ngân là thê thảm nhất. Chưa kể một người anh họ khác, trưởng tộc họ Nguyễn Quang, là Nguyễn Quang Hợp bị đấu tố và giam trong một nhà cạnh nhà mình, rồi bị bỏ cho chết đói. Nhà bên cạnh là nhà ông Nguyễn quang Kính, cũng là anh họ tôi, vai em ông trưởng tộc. Sau này tôi được biết thêm câu chuyện đau thương này: khi ông anh trưởng tộc bị bỏ cho chết đói, lúc này bọn ‘đội cải cách còn ở trong thôn, các con cháu ông bàn nhau đưa đi chôn lén. Người con trai út và 3 cháu nội trai chia nhau, 2 người đi đào mộ và 2 người kiểm cánh cửa cũ đóng tạm thành quan tài. Công việc phải làm ban đêm, không chỉ tránh bọn ‘đội’ mà còn cả những người nghèo bị bọn chúng nhồi sọ gây thù hận giai cấp.

Biết được người cháu nội ông anh mới vào lập nghiệp ở Saigon, ngày 20 tháng 10-2010, tôi gọi điện thoại về gặp. Người cháu này tên Tịch, năm nay cũng đã 75 tuổi. Sau khi thăm hỏi tình hình sinh hoạt gia đình, tôi hỏi lại chuyện xưa:

- Tôi nghe kể bác Lý (ông nội của Tịch) bị “đội cải cách’ bắt giam ở nhà bác Kính và bị bỏ đói cho tới chết, có đúng không?

Anh Tịch trả lời:

- Dạ đúng. Bọn nó cấm không cho ai được tới đó. Thực ra thời gian này rất thiếu thốn, mọi gia đình đều đói, nhất là những nhà bị qui là địa chủ, phú nông. Dù đói chúng cháu cũng có thể nhịn bớt để đưa cho ông nội, nhưng vì sợ bọn đội cải cách nên không dám mang qua.

Tôi hỏi tiếp:

- Những ai khiêng quan tài bác đi chôn?
- Dạ có chú Hòa, anh Siễn , cháu và Liêu con chú Sứng.
- Tôi nghe nói khiêng ban đêm bị vấp té xuống ngòi phải không?
- Dạ không phải, vì đói quá nên đi không vững chứ không phải vấp.
- Hơn 50 năm qua rồi, anh còn nhớ chi tiết quá.

Tịch trả lời giọng đanh thép:

- *Niềm đau nhớ đời mà ông.*
- Tôi nghe nói anh sắp về bắc?
- Vợ chồng cháu về giỗ bà ngoại các cháu.
- Tình hình lúc đó ở quê ngột ngạt lắm. Anh ở thành phần con địa chủ làm sao lập gia đình.
- Cháu lập gia đình trễ., năm cháu đã 34 tuổi.
- Hồi đó chúng xúu giục hận thù giai cấp, đấu tố giết người, làm sao anh gặp được chị?
- Bố vợ cháu cũng bị đấu tố và bị bắt giam.
- Thì ra vậy.

Nói chuyện với Tịch khoảng 20 phút. Tôi chào Tịch và cảm ơn đã cho tôi biết rõ việc này.

Thực ra ông anh họ tôi có hơn 10 mẫu ta ruộng, tương đương với 3 hectares ở miền Nam. Mà số 3 hectares ruộng chỉ tương đương với diện tích ruộng mà trong thời gian cổ TT Ngô đình Diệm đã phân chia cho những người di cư tìm tự do ở Cái Sắn, Phương Lâm và Hồ Nai. Rồi kế tiếp những năm sau TT Diệm cho lập các khu Dinh Điền ở Chương Thiện, Quảng Tín, Daknong, Lệ Thanh, Hỏa Lựu, và các vùng ở 3 tỉnh Pleiku , Banmêthuôt, Quảng Tín. Những gia đình định cư đều được cấp 3 hectares đất đã khai quang và cày bừa cho vụ đầu. Ngoài ra còn cấp tiền gạo cho mỗi nhân khẩu trong vòng 6 tháng.

Ông anh họ tôi chưa phân chia ruộng cho các con. Văn Quang năm 1945 mới 12 tuổi, và người anh cả bị bắn chết mới ngoài 30, chưa người nào được làm chủ mảnh ruộng, để chúng gán cho cái tên “địa chủ” (!). Vì thế khi bắn , chúng ghép tội anh Ngân, tên người anh ruột của Văn Quang, là Việt nam Quốc Dân Đảng, con của cường hào(!)

Để biết thêm chi tiết về nạn nhân , vì nghe theo tuyên truyền dụ giỗ của Cáo Hồ, đã bỏ cả tiền tài và sức lực ra phục vụ cho Việt cộng, để rồi bị kết thúc cuộc đời bằng viên đạn oan khiên, bạn đọc có thể đọc tiếp phần 4 của loạt bài Chuyện làng tôi. Bài viết của một người em họ nạn nhân, anh Nguyễn mạnh Hoàng, hiện định cư tại Hoa Kỳ.

Dưới đây là bài viết của Văn Quang , trong loạt bài Lầm cảm Saigon, số 211 với tựa đề “Đi Tìm Cái Cọc Tre Ủ Rũ.”

Đi Tìm Cái Cọc Tre Ủ Rũ

Trong số trước, vì có hai đề tài cần phải tường trình với bạn đọc nên tôi chưa thể nói hết những chi tiết trong chuyến “Bắc du sau hơn nửa thế kỷ” của tôi, mặc dầu tôi vẫn sống ngay trên đất nước Việt Nam này. Chuyến đi do ông Vũ Bình Nghi, chủ báo Thời Báo San Jose mời với tính cách thân hữu ra thăm quê hương Bùi Chu, như một chuyến du ngoạn, chứng kiến những gì ông và bà con đồng hương của ông làm cho nơi chôn nhau cắt rốn của mình như bao nhiêu những hội đồng hương ở những địa phương khác. Tôi nghĩ đó chỉ là tình bạn bè, mời nhau đi xem một dạ hội đặc biệt, tuy có hơi xa. Vì thế tôi không dài dòng về những thành quả đó.

Trước chuyến đi về Bùi Chu, chúng tôi đã nhận được tin tòa báo Thời Báo ở San Jose của ông bị cháy và cũng hoang mang chẳng hiểu rõ lý do tại sao. Khi đến đình làng Bùi Chu, gặp ông V.B. Nghi trong khi ông rất bận rộn vì việc tiếp khách. Ông có vẻ phờ phạc nhưng tỏ ra khá bình tĩnh, cho biết những thông tin ban đầu chưa chính xác. Phải đến khi về lại Sài Gòn ngày 28-5, tôi điện thoại cho những ông bạn tôi ở ngay San Jose mới có được thông tin khá mạch lạc. Tòa báo bị cháy do chập điện. Các ông bạn tôi phán rằng: “*Yên tâm, đã có bảo hiểm lo*”. Dù thế cũng xin chia buồn với ông VB Nghi và Thời Báo San Jose vì sự không may mắn này.

Quê tôi vẫn còn nghèo lắm

Trở lại ngày về thăm làng cũ của tôi sau hơn nửa thế kỷ xa cách. Nếu tính đúng ra, tôi rời làng từ năm 1950, đến nay đã là 57 năm. Chắc nhiều bạn ở nước ngoài cũng đã từng mang cái tâm trạng này. Nổi bùi ngùi xao xuyến khi gặp lại những người thân, người làng, cùng những hình ảnh xưa còn lại hoặc đã mất hết dấu tích.

Đi qua thị xã Thái Bình, tôi không vào ngay, chỉ đi tìm dấu tích cây cầu Bo. Cây cầu đối với tôi như một biểu tượng vui mừng mỗi lần được về thị xã thăm bà ngoại. Hồi đó, dân nhà quê chúng tôi gọi là “được đi tỉnh”, có về ... hơi oai. Nhưng bây giờ cũng lại là một cây cầu mới, thân nhiên như không hồn. Con sông Trà Lý cũng thờ ơ chảy xuôi, chẳng quen ai.

Cứ như có một cái gì đó thôi thúc, tôi đi thẳng về làng. Mỗi người có một hoàn cảnh nên tâm trạng và cảm xúc cũng khác nhau. Hầu hết nhiều vị có thì giờ ở lại làng một vài ngày, nhưng tôi chỉ có một buổi sáng ngày 26-5 là đã phải trở về với “phái đoàn” rồi. Với tôi như vậy đã là quá đủ. Lý do tại sao xin bạn đọc cứ bình thản đọc tiếp.

Trên con đường xa lộ Hà Nội - Hải Phòng, đến một đoạn giữa, có một lối rẽ vào huyện Quỳnh Phụ của tôi. Lúc đó mới là gần 9 giờ sáng. Con đường cái quan vẫn nhỏ hẹp như hồi nào. Nhìn lại làng xóm vây quanh, những hàng cau vươn lên lờm chờm khác hẳn với những hàng dừa quen thuộc của miền Nam. Quan sát một vòng bên đường đi, nhận xét đầu tiên của tôi là người dân tỉnh Thái Bình nghèo hơn những tỉnh khác ở miền Bắc và nghèo hơn ở miền Nam. Tỉnh chưa phát triển được, vẫn chỉ là những đồng lúa với những người nông dân “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”. Điều đó giải thích tại sao các khu công nghiệp, từ Bình Dương đến Đồng Nai thu hút hầu hết công nhân lao động chân tay từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định và miền Trung VN. Ngay ở Bình Phước cũng chỉ thấy những người đồng hương của tôi định cư chứ hầu như tuyệt nhiên không có ai ở miền Nam ra miền Bắc định cư cả.

Chuyến dò dọc thời chiến tranh

Tôi dừng xe, vào một quán nước ven đường, có “quảng cáo” hàng chữ “Bánh Cáy - đặc sản của làng Nguyễn” để hỏi về cây Cầu Mới Nguyễn cũ. Vô tình lại gặp người quen và cũng rất có thể là người cùng họ hàng với tôi. Nhưng nói đi nói lại, rồi khi đứng dậy, người chủ quán cũng lại chào tôi bằng một câu đoán rằng: “chắc mình có họ với nhau đấy”. - Tôi cũng hy vọng như thế.

Cây cầu Mới Nguyễn (từ xưa cây cầu này được gọi là cầu Mới Nguyễn, chứ không phải tên bây giờ) đối với tôi có một số kỷ niệm. Thời chiến tranh, vào khoảng những năm 1947, anh em chúng tôi phải bỏ lên tận Đổng Năm để theo học ở trường Trung Học Quang Trung. Mỗi lần từ phố huyện đi Đổng Năm, phải đi bằng đò dọc và chỉ được xuống thuyền vào lúc trời nhá nhem tối để tránh máy bay oanh tạc. Lúc đó tôi còn nhỏ, chừng 14 -15 tuổi, là học sinh trung học thì rất tò mò. Vì thế nên những chuyến dò dọc thường xảy khá nhiều chuyện... ly kỳ. Nhất là về mùa đông, nằm trong khoang thuyền hẹp, lạnh buốt thấu xương. Vì thế, khách có kinh nghiệm phải thủ theo một chiếc chăn đơn. Ai không có thì đắp nhờ. Có những bà, những cô không mang theo chăn thường hay chọn những anh “nhóc” như chúng tôi xin đắp nhờ chăn. Nằm bên một người khác phái lạ lẫm, sao mà nhột nhạt thế. Có những phen tôi phải nín thở, không ngủ được. Hé mắt nhìn sang những chiếc chăn trùm kín bên cạnh, có lắm chuyện “ly kỳ”. Đôi lần gặp mấy ông sồn sồn nằm kể chuyện tiêu lâm khiến cả thuyền cười râm ran, nhiều bà nhiều cô đỏ mặt song coi bộ vẫn thích nghe.

Cho đến gần sáng mới thấy những nhịp cong cong đen sì của cây cầu mới Nguyễn gầy một nhịp, lúc đó là lúc chúng tôi lên thuyền đến nơi trọ học. Vài năm sau, huyện tôi mới có một trường Trung học ở một làng gần huyện lỵ và tôi trở lại học ở trường này cho đến khi chiến tranh lan về Thái Bình vào năm 1949. Những kỷ niệm nhỏ nhoi không thể nào quên. Vì thế tôi cố tìm ít nhất một hình ảnh xưa cũ nào. Nhưng tôi hoàn toàn thất vọng, chỉ có một cây cầu Nguyễn mới toanh, cũng trơn tru như bao nhiêu cây cầu mới khác, cứ như tôi từng nhìn thấy những cô gái quê, ăn diện theo kiểu tỉnh thành đứng bên những hè phố. Cái đẹp hàng loạt như những sản

Cầu Bo ngày xưa



Cầu Mới Nguyễn xưa



phẩm được đúc khuôn, sản xuất theo kiểu công nghiệp. Cả đến cây cầu Tân Đệ nối liền hai tỉnh Thái Bình - Nam Định cũng thế.

Tôi lên xe đi thẳng về huyện cũ.

Cái bến xe đò “ngoan cố”

Tôi không còn nhận ra huyện lỵ ngày nào nữa. Chỉ còn nhận biết khi nhìn lên những tấm bảng hiệu có ghi hàng chữ Quỳnh Phụ. Ngôi trường học suốt 3 năm sau khi đậu được cái bằng tiểu học, bây giờ biến mất. Tôi nhớ đến những thầy giáo rất nghiêm khắc thời xưa. Có thầy đáng yêu và có thầy đáng sợ. Nhưng lúc này khuôn mặt thầy nào cũng mang lại cho tôi một sự biết ơn sâu sắc.

Đến cuối huyện lỵ, tôi bắt gặp một bến xe vẫn còn “ngoan cố” mang cái tên xưa: “bến xe Quỳnh Côi”. Đáng lẽ theo “cách mạng bây giờ” thì phải đổi là Quỳnh Phụ chứ! Đúng là tay chủ bến xe này lý đòn thật, và tôi khoái cái sự “ngoan cố” đó. Tôi chụp hình lia lịa, cứ như vớ được một “cổ vật ngàn năm” đáng giá bạc triệu vậy. Mà đúng là cổ vật ngàn năm thật vì huyện Quỳnh Côi của tôi đã có từ thời xa xưa, nếu không là ngàn năm thì cũng là vài trăm năm, cái tên Quỳnh Phụ mới có từ vài chục năm sau này.

Con đường từ huyện lỵ về làng tôi đúng 5 cây số. Con đường trải đá xưa bây giờ chỉ khác một tí là được trải nhựa. Hồi năm 1943, dọc theo con đường ấy, mỗi ngày đi học vào lúc sáng sớm, chúng tôi thường bắt gặp những cái xác người khô đét vì chết đói, nằm rải rác bên vệ cỏ ven đường. Sau một hai ngày những cái xác ấy bị cháy nắng đen thui đen thui như bị chết cháy. Phải vài hôm sau người ta mới kịp chôn cất. Có một thời kỳ, gia đình tôi đã bắt tôi phải nghỉ học vì sợ ô nhiễm. Nhà tôi ở dãy phố Bến Hiệp cũng vậy, cứ sáng sớm mở cửa ra là gặp ngay một hai cái xác người chết đói nằm ngay ngoài cửa. Những người xấu số này thường ở những làng mạc khác đến, có người ở một tỉnh xa. Có lẽ họ đã lang thang nhiều ngày. Rất may làng tôi không có ai chết đói vì được những nhà có cửa ăn cửa để sẵn lòng bao bọc.

Cả ba dinh cơ đều mất tích

Bến Hiệp là một dãy phố thương mại, chỉ dài khoảng hơn trăm mét, hai bên là những nhà lầu 2 tầng của các cửa hàng cửa hiệu, lẫn lộn cả người Hoa và người Việt. Có hẳn một trường học dành cho trẻ em người Hoa. Tận cùng bằng một bến tàu, thời đó có hai cầu tàu lớn bằng gỗ dành cho tàu thủy chạy đường Hải Phòng - Hà Nội. Nó là dãy phố duy nhất của vùng này được gọi là “trên bến dưới thuyền”, khá sầm uất. Phố Bến Hiệp của tôi có hàng bán bánh dò, chả quế rất ngon. Nhưng có một thời bị khách đi tàu thủy gọi là “Phố bánh dò đất” vì có một vài anh lợi dụng sự nổi tiếng ấy, đánh lừa người đi tàu bằng cách đợi giờ tàu kéo còi sắp chạy là mang bánh dò lên bán và toàn là bánh dò nhân bằng đất. Khi tàu bắt đầu chạy, các cậu đó nhảy ùm xuống sông, bơi vào bờ.



Trong phố, trẻ con người Việt chúng tôi và người Hoa bình thường khá thân thiện, nhưng lâu lâu cũng có một cuộc ẩu đả vì những chuyện vớ vẩn không đâu.

Ông Già tôi có ba cái “dinh cơ” dành cho 3 bà ở 3 địa điểm khác nhau. Một ở trong làng An Hiệp, một ở ngoài chợ Làng Hiệp và một ở phố Bến Hiệp. Anh em chúng tôi ở một căn nhà ngay giữa phố suốt một thời thơ ấu. Cho đến khi lệnh “tiêu thổ kháng chiến” ban ra, toàn thể dãy phố bị phá sập tan tành, lúc đó chúng tôi mới lui vào làng. Và ngay cả nhà trong làng, ngoài chợ, nếu là tường gạch, mái ngói cũng bị “tiêu thổ”.

Tôi đã tìm thấy cột cây số Bến Hiệp 0 km đã có từ thời xưa, nằm giữa khu đất bây giờ gần như hoang vu. Từ đây tôi có thể định hướng được căn nhà cũ của mình nằm ở đoạn nào. Nhưng định hướng rồi cũng không thể nào tìm lại được đúng căn nhà xưa. Bây giờ chỉ còn là một dãy nhà linh tinh, đủ các thứ mái tôn, mái ngói, mái rạ, mạnh ai nấy làm, và nó không còn là phố thương mại nữa. Nó cũng giống như một thôn xóm nào khác ở miền Bắc này thôi. Cái dãy phố thương mại xưa đã bị nông thôn hóa rồi.

Hỏi thăm một người dân ở đây, tôi mới tìm được đường vào làng cũ. Cái cổng làng đồ sộ trước kia bây giờ chỉ còn lỏng chỏng hai cái bờ tường để chứng tỏ nơi đây là ranh giới của một xóm làng. Chỉ có cây đa đầu làng ngày nào vẫn còn mang nguyên vẹn dáng hình xưa. Mặc dầu, hỏi tôi ra đi, nó mới chỉ chừng ba người ôm, nay đã kèn càng, ra dáng một “lão gia” lắm rồi. Làng tôi có tới hai cây đa, cây đa mẹ nằm phía trong, to lớn hơn nhiều, quanh nó, những nhánh rễ đâm từ những cành cao thẳng xuống đất như những cánh tay gân guốc, khỏe mạnh của những đứa con bảo vệ bà mẹ già. Ước tính mười người ôm chưa hết bộ gốc của nó. Và hỏi còn bé, tôi vẫn thấy những “ông bình vôi” đặc ruột như cụ Phan Khôi đã từng diễn tả. Cây đa đó, tôi nghe tin đã chết từ lâu rồi. Chắc là nó không chết trong đợt cải cách ruộng đất năm 1954!

Nhà cũ không còn



Còn lại một cây đa cũng đủ cho tôi tìm được vài lối nhỏ vào làng. Con đường đất bên bờ ao, dẫn về nhà tôi xưa, vẫn còn đó, chỉ khác là bây giờ nó được tô điểm thêm một tí xi măng làm dáng trên mặt. Tôi lạng lẽ đi vào con đường nhỏ, mừng tượng lại căn nhà mình hồi xưa. Nhưng chỉ qua một khúc quanh là nhà cửa nằm ngang nằm dọc, chẳng còn biết đường nào mà mò.

*(Hình: Văn Quang, tác giả loạt phóng sự
Lắm cảm Saigon, đứng bên gốc đa đầu làng)
Cây đa này đã chết vào năm 2009, nay đang
dự tính trồng lại cây khác 2010)*

Ngẩn ngơ nhìn khung cảnh quanh đó và một vài người trong làng cũng ngơ ngác nhìn tôi. Có lẽ họ tưởng tôi là một Việt kiều về thăm quê hương. Tôi phải tránh họ và không dám hỏi đường vào nhà cũ, vì như vậy họ sẽ đoán ra ngay. Tôi không có thời gian đi thăm bà con họ hàng nên không dám vào thăm bất cứ ai, nên không tiết lộ danh tính của mình. Và mục đích của tôi lần này cũng không phải là như thế. Tôi đã nghe một vài người trong họ hàng có thì giờ về thăm quê tôi diễn tả lại khung cảnh nhà tôi xưa, hiện nay ra sao rồi. Cái “dinh cơ” thuở nào đã mất hết dấu tích. Những người làm công cho nhà tôi xưa làm nhà trên đó và ngay cả cái nhà thờ năm gian bằng gỗ, cái miếu thờ, bây giờ cũng chẳng còn. Chỉ có những ngôi nhà và cả những cầu tiêu của những chủ nhân mới. Thôi thế thì nhìn lại cũng chẳng để làm gì.

Quay trở ra, tôi lạng lẽ xách chiếc máy chụp hình vào chùa. Ngôi chùa đã được họ hàng anh em nhà tôi từ khắp nơi chung lưng góp tiền tu bổ lại nên trông cũng khá khang trang. Tháp chuông chùa được xây cất lại rất sáng sủa. Nơi ấy một thời xa xưa chúng tôi vẫn chơi trò trốn tìm, leo lên tận gác chuông, những anh nhát không dám leo lên cái cầu thang bằng gỗ ọp ẹp. Bây giờ tôi giả làm cậu bé leo lên để nhìn lại toàn bộ khung cảnh ngôi chùa này. Nhưng không còn tìm thấy khu “văn chỉ”, nơi thờ cúng những văn nhân.

Đình làng cũng mất

Hơn 10 giờ sáng, tôi trở ra cổng chùa. Phía đối diện cổng chùa có hai cô ngồi sau cái phản bán thịt, còn vài miếng lèo tèo nằm đợi khách trên tấm phản gỗ cũ. Họ tò mò nhìn tôi, có lẽ chờ một câu hỏi để bắt chuyện, dò hỏi xem tôi là ai. Tôi đoán chừng thế nên thần nhiên đi vào con đường xưa được lát gạch nghiêng, lối dẫn vào ngôi đình. Song con đường chỉ còn nhỏ xíu, dường như đã bị bít. Tôi hỏi một cậu bé đang bê một cái nồi to tướng:

- Đình làng ta đi lối nào?

Cậu bé ngược lên, lắc đầu:

- Làm gì có đình mà ông hỏi.

- Vậy lối đi vào đình cũ là lối nào?

Cậu bé trả lời giản dị:

- Cũng không có lối đi luôn.

Cậu bé bê cái nồi thờ dốc. Tôi không tin là cậu bé này vẫn còn thuộc bài “ba không: không nghe, không biết, không thấy”. Tôi lại nghĩ anh chàng nhóc này có thể là con cháu gì mình không chừng. Tôi móc túi, cầm tờ giấy năm chục ngàn, định tặng cho cậu bé. Nhưng nghĩ ngợi một chút rồi tôi rút tay lại. Vì làm như thế e rằng



tổn thương đến cậu bé này. Cậu bé không phải là người đợi ai đi xa về cho tiền là mừng. Điều đó chỉ có thể xảy ra những năm trước kia thôi. Đây là ý nghĩ của tôi, và tôi giữ gìn như vậy là cho chính tôi đối với cậu bé trong làng cũ của mình.

Cho đến khi cậu bé đi khuất dưới một khóm tre già, lúc đó tôi mới tự hỏi không biết là tôi làm như vậy đúng hay sai. Có thể tôi đã “tước đoạt” mất niềm vui bất ngờ của cậu bé sống trong ngôi làng yên tĩnh này. Chỉ một khoảnh khắc bất chợt đó thôi cũng khiến tôi băn khoăn cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu đúng hay sai.

Mang ý nghĩ ấy, tôi trở ra lên xe taxi. Anh tài xế nói với tôi:

– Mấy người trong làng cứ hỏi bác tên là gì, con cái nhà ai, ở đâu về. Em có biết gì đâu mà nói. Em trả lời là bác thuê em chở đi thì em chở, thế thôi. Các cô này đoán chắc bác thuộc dòng họ Nguyễn Quang chứ không sai. Phải không bác?

Tôi đánh vỗ lưng:

– Đến cậu cũng tò mò muốn biết nữa sao?

Anh tài xế trẻ cất tiếng cười:

– Bây giờ đi đâu đây?

Tôi chỉ đường cho anh tài đi về hướng bờ đê mà không nói là đi đâu.

Đi tìm cái cọc tre

Cái bờ đê hồi nào trông to đùng, kênh cang để ngăn dòng nước mùa lũ từ con sông Luộc tràn về, nay sao mà nhỏ bé đến thế. Cả cái dòng sông Luộc cũng như hẹp lại. Bức tranh trong trí nhớ của tôi rất vĩ đại thì bây giờ như thu nhỏ lại. Dường như tất cả những thứ hồi xưa, dưới mắt những người đi xa trở về, bây giờ đều nhỏ hẹp. Tôi yêu cầu anh tài cho xe đi thật chậm. Sau khi đã xác định được phương hướng, tôi yêu cầu anh tài dừng lại trên bờ đê vắng ngắt. Anh tài chẳng hiểu tôi định làm gì. Tôi đành phải giải thích một câu bằng giọng hết sức vô nghĩa:

– Phong cảnh ở đây đẹp quá.

Thật ra phong cảnh chẳng có gì đẹp. Đó chỉ là một nơi chốn tôi định tìm trong cuộc về thăm làng xưa này. Đó mới là mục đích chính của tôi. Tất cả những nơi chốn tôi vừa ghé qua, hầu như chỉ là một “thủ tục” thông thường của những ai về thăm quê. Tôi không nghĩ đó là những “động tác giả” như một cầu thủ đá banh lừa đối thủ để đi một đường banh nghệ thuật tới đích.

Nơi tôi định tìm là một cái cọc tre, xuất phát từ một câu chuyện đau buồn trong gia đình tôi mà tôi đã âm thầm “ôm trong lòng” từ nhiều năm nay. Bây giờ tôi mới có dịp thực hiện. Tôi không muốn gọi lại nỗi đau thương đó với bạn đọc.

Xin vắn tắt là ông anh cả của tôi đã bị đầu tó vào dịp cải cách ruộng đất năm 1954. Đó là một chính sách đã được công nhận là sai lầm và đã được sửa sai. Nhưng có sửa sai thì người chết đã chết rồi. Năm 1954, lúc đó anh em chúng tôi đã ở trong Nam, chỉ biết tin sau đó vài năm. Và là những nguồn tin không có chi tiết cụ thể.

Mãi đến năm 1975, khi bà chị tôi ở miền Bắc vào, chúng tôi mới biết thêm một số chi tiết khác, song vẫn chưa đầy đủ. Trong những ngày tôi ở các trại tù cải tạo Sơn La, Vĩnh Phú, đưa cháu con đầu của ông anh tôi, thỉnh thoảng vẫn mang quà cáp lên “thăm nuôi”. Thật ra thì lúc đó cháu cũng không có tiền, phải nhận quà từ miền Nam của ông anh rồi tôi gửi ra. Thỉnh thoảng chú cháu tôi mới có dịp ngồi với nhau một hai tiếng đồng hồ để tâm sự chuyện xưa. Đứa cháu con đầu của ông anh tôi là người thân duy nhất được chứng kiến cảnh bố nó sau khi bị đầu tó rồi mang đi xử bắn như thế nào.

Sau năm 1987, tôi ở “Trại tù Cải Tạo” về đến Sài Gòn thì chú cháu tôi có hàng tháng nằm với nhau trên một căn phòng tôi ở trọ trên đường Trương Minh Giảng. Cháu tôi tả lại chính xác nơi dùng làm “pháp trường” và bố nó đã nói những gì trước khi nằm xuống. Tôi ghi nhận thật chi tiết nơi chốn đó và cứ hình dung ra cái cảnh “pháp trường” tòi tệ bên con sông Luộc đầy phù sa đỏ như máu.

Nỗi ân hận lớn nhất trong đời

Bây giờ tôi đã đến đúng nơi tôi muốn đến. Cảnh đồng khô khốc, đù đưa vài ngọn cỏ. Tôi đã từng được chứng kiến một cảnh xử bắn “việt gian” khi còn đi học trường huyện nên trong đầu tôi cứ hình dung ra một cái cọc tre nằm trơ ra đó khi cái thân hình người đã đổ xuống, máu me vung vãi, rồi được mang đi vùi lấp ở một nơi nào đó. Khoảng không gian trước mặt tôi kia là cái cọc tre. Nơi anh tôi đã nằm xuống. Có lúc mắt tôi hoa lên, cứ

tường có cái cọc tre đang ở trước mặt mình thật. Còn anh tôi đi đâu? Máu me chảy như thế nào? Tôi cố hình dung và nó cũng hiện lên rất rõ chứ không mờ nhạt như một giấc mơ viễn vông. Có lẽ tôi đã từng cố hình dung ra cái cảnh ấy từ lâu mà tôi không biết. Nó sống trong tâm thức tôi. Cả đến từ giọng nói, cái nhìn của anh cũng cứ như sống lại. Không biết lúc bị trói bên cái cọc tre, anh tôi đã nghĩ gì, và khi những viên đạn xuyên vào da thịt, anh có đau đớn lắm không?

Anh đã từng góp sức, góp của, góp công giải phóng dân tộc thoát khỏi ách nô lệ, đã từng chỉ huy lực lượng giải phóng huyện năm 1945, làm huyện đội trưởng dân quân rồi đi bộ đội, làm chính trị viên. Chắc chắn nỗi ân hận lớn nhất của anh là không được chết bởi mũi súng kẻ thù, mà gục ngã bởi những phát đạn của những người trong làng, trong xã của mình.

Anh ngã xuống, để lại hai bà vợ và 4 đứa con, một đứa nhỏ chết sau này, có thể vì thiếu dinh dưỡng. Chúng bị đuổi ra khỏi nhà, sống trong một góc khu vườn chè nhà tôi. Sau này hai người chị dâu của tôi cũng chết theo anh. Mấy đứa con bơ vơ, được bà chị thứ hai của tôi cứu mang, phải bỏ làng, ra Nam Định kiếm sống và các cháu tôi ở lại Nam Định cho đến ngày nay...

Có quá nhiều tình tiết mà trong một lúc tôi không thể kể hết trong lúc này. Tôi chỉ còn nhìn thấy cái cọc tre, dường như nó có thật, nó còn đứng đó. Tôi phải ngồi quay lưng lại phía anh tài xế, giấu mặt sau cái mũ, mặc cho nước mắt mình chảy. Bây giờ, sau 53 năm, tôi mới có dịp được khóc anh tôi. Nếu cho tôi ngồi thì ngồi mãi và cũng chẳng biết để làm gì. Nhưng dù cho ngồi ở đó năm mươi phút nữa hay năm mươi ngày thì cũng như nhau thôi.

Tôi nặng nề đứng dậy, chân như đeo đá, tưởng như không bước được đến chiếc xe taxi gần đó. Dù sao thì tôi cũng đã đạt được ước nguyện của mình. Cái cọc tre mới là cái tôi cần tìm trong suốt cuộc Bắc du này. Còn những cái khác, bạn hiểu là phụ hay là một động tác giả cũng được. Trở về Sài Gòn, sau khi tôi gửi bài số trước đi, Hà Huyền Chi gửi cho tôi một cái e mail "máng yêu" rằng: "*Mày về thăm quê cũ mà đi như ăn cướp như vậy sao?*".

Xin cho tôi được trả lời Hà Huyền Chi rằng: "*Đúng là tao đã đi ăn cướp được những cảm xúc tận cùng như thế đấy. Có cần phải vài ba ngày hay một tháng với những kỷ niệm xưa không? Mà được khóc trong năm phút đã là quá đủ cho một người làm thơ hay như mày, làm thơ cả một đời*".

Cho đến bây giờ tôi vẫn cứ thấy cái cọc tre ủ rũ trong đầu tôi.

Đó là đoạn chính trong cuộc Bắc du của tôi. Còn những chuyện khác, xin để kỳ sau tường trình tiếp cùng bạn đọc....

(Còn tiếp)